

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;
2. Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2025/TLST-DS ngày 14/4/2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-DS ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#), sinh năm 1964.

Địa chỉ: [Số A, Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An](#).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Huỳnh Tuấn K](#), sinh năm 1981.

Địa chỉ: [Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An](#) (có mặt).

(theo Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2025)

- Bị đơn: Ông [Đỗ Bá Q](#), sinh năm 1988.

Địa chỉ: [Ấp E, xã A, huyện B, tỉnh Long An](#) (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà [Dương Thị N](#), sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp E, xã A, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc L do ông Huỳnh Tuấn K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/5/2023, bà Huỳnh Thị Ngọc L có cho ông Đỗ Bá Q vay số tiền 950.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2023, có chữ ký ông Đỗ Bá Q. Các bên thỏa thuận vay không có lãi suất, thời hạn trả là ngày 25/9/2023. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn mà ông Q vẫn không trả lại số tiền nêu trên cho bà L. Do đó, nay bà L khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Bá Q có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L số tiền gốc vay là 950.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 26/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Đỗ Bá Q không có vợ, khoản nợ này là khoản nợ riêng của ông Q, nên bà L chỉ khởi kiện yêu cầu ông Q trả nợ.

Bị đơn là ông Đỗ Bá Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông Đỗ Bá Q đều vắng mặt không có lý do. Ông Đỗ Bá Q cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông Q đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc L. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, thấy rằng:

Vào ngày 25/5/2023, ông Q vay của bà L số tiền 950.000.000 đồng, hai bên có lập giấy mượn tiền, có chữ ký ông Đỗ Bá Q, các bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn đến ngày 25/9/2023 sẽ hoàn trả lại tổng số tiền đã vay. Do đó, có cơ sở để xác định giữa bà L và ông Q có thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn

và không có lãi suất theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc thỏa thuận ký kết hợp đồng giữa các bên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng và cho đến nay đã quá thời hạn trên, nhưng ông [Q](#) vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà [L](#). Do ông [Q](#) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay khi đến hạn là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên theo giấy mượn tiền ngày 25/5/2023, nên bà [L](#) khởi kiện yêu cầu buộc ông [Q](#) có nghĩa vụ trả cho bà [L](#) số tiền đã vay là 950.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Xét thấy, trong giấy mượn tiền ngày 25/5/2023 giữa bà [L](#) và ông [Q](#) không nêu về lãi suất. Nhưng theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, bà [L](#) có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định là 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bà [L](#) yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/9/2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả 100.000.000 đồng tiền lãi, trừ vào số tiền lãi trên số tiền chậm trả, nên bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi sau khi trừ số tiền đã trả trên.

Bà [Dương Thi N](#) trình bày rằng bà đã trả nợ thay cho con trai bà là ông [Quân S](#) tiền tổng cộng là 950.000.000 đồng, nhưng bà không có bằng chứng gì chứng minh thể hiện việc bà đã trả cho bà [L](#) số tiền trên, nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#) khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông [Đỗ Bá Q](#) có nghĩa vụ trả cho bà [L](#) số tiền vay là 950.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Hiện tại, ông [Đỗ Bá Q](#) đang cư trú tại [huyện B, Long An](#). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [Huỳnh Tuấn K](#) có mặt; bị đơn ông [Đỗ Bá Q](#) được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông [Đỗ Bá Q](#).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản thấy rằng:

[3.1] Về số tiền gốc:

Nguyên đơn là bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#) do ông [Huỳnh Tuấn K](#) trình bày bà [L](#) có cho ông [Đỗ Bá Q](#) vay số tiền 950.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2023, có chữ ký ông [Đỗ Bá Q](#), thời hạn trả là ngày 25/9/2023, thỏa thuận vay không có lãi suất. Tuy nhiên, nay đã quá thời hạn mà ông [Q](#) vẫn không trả lại số tiền nêu trên cho bà [L](#). Bà [L](#) cung cấp giấy vay tiền đề ngày 25/5/2023.

Ông [Đỗ Bá Q](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông [Đỗ Bá Q](#) đều vắng mặt không có lý do và ông [Q](#) cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà [L](#).

Thấy rằng, mặc dù ông [Đỗ Bá Q](#) không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông [Q](#) đối với yêu cầu khởi kiện của bà [L](#), nhưng Tòa án có tiến hành lấy lời khai người làm chứng là bà [Dương Thị N](#) (mẹ ông [Q](#)) theo Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2025. Bà [N](#) trình bày trước đây, ông [Q](#) có vay nợ của bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#) theo giấy mượn tiền ngày 25/5/2023, chữ ký trong giấy mượn tiền này là của ông [Q](#) ký và viết tên. Ông [Q](#) có vay của bà [L](#) số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất vay như thế nào thì bà [N](#) không rõ. Thời hạn vay thì giữa hai bên tự thỏa thuận, bà [N](#) không rõ. Như vậy, có cơ sở xác định chữ ký trong giấy mượn tiền là chữ ký của ông [Q](#) và ông [Q](#) có vay của bà [L](#) số tiền 950.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

Người làm chứng bà [N](#) cho rằng, ông [Q](#) không có khả năng trả nợ nên bà [N](#) có đứng ra trả thay ông [Q](#) 03 lần với số tiền tổng cộng là 950.000.000 đồng, các lần trả tiền do tin tưởng nhau nên đều không làm biên nhận. Bà [N](#) trình bày nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và cũng không được bà [L](#) thừa nhận. Do đó, lời trình bày của bà [N](#) là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông [Đỗ Bá Q](#) phải trả số tiền gốc là 950.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà [Huỳnh Thị Ngọc L](#) trình bày, từ thời điểm vay đến nay, ông [Đỗ Bá Q](#) đã trả cho bà [L](#) được 100.000.000 đồng tiền lãi, nhưng không nhớ rõ ngày. Ngoài ra, ông [Q](#) không trả thêm bất kỳ khoản tiền lãi nào. Nay bà [L](#) yêu cầu ông [Đỗ Bá Q](#) có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 26/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 25/5/2023, các bên thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/9/2023, không thể hiện có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định cho ông Q vay với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Bị đơn ông Đỗ Bá Q không có ý kiến trình bày về lãi suất cho vay, người làm chứng bà N cũng trình bày thỏa thuận vay có lãi, nhưng bà không biết mức lãi suất cho vay giữa các bên. Do ông Q vắng mặt, nên không xác định được việc cho vay có thỏa thuận lãi hay không, trường hợp có thỏa thuận lãi thì mức lãi suất thỏa thuận như thế nào. Nay bà L chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 0,83% từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 26/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi phải trả được tính như sau: $950.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} \times 14 \text{ ngày} = 161.379.666 \text{ đồng}$, quy tròn là 161.379.500 đồng.

Do nguyên đơn xác định bị đơn là ông Q đã trả lại được số tiền lãi là 100.000.000 đồng, nên số tiền này sẽ được trừ vào số tiền lãi còn nợ là 161.642.500 đồng. Như vậy, ông Q còn nợ bà L số tiền lãi là 61.379.500 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông Q có nghĩa vụ trả cho bà L là $950.000.000 \text{ đồng} + 61.379.500 \text{ đồng} = 1.011.379.500 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà L được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là ông Đỗ Bá Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.341.385 đồng.

Bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc L đối với bị đơn ông Đỗ Bá Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đỗ Bá Q có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L tổng số tiền là 1.011.379.500 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành

án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đỗ Bá Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.341.385 đồng.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

